



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi [www.flashcardo.com/vi](http://www.flashcardo.com/vi). Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

### Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập [www.flashcardo.com/vi](http://www.flashcardo.com/vi) để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

### Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

## In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

## Cơ bản



من

تو

(او) (مذکر)

(او) (مونث)

آن

ما

شما

آنها

چی

چه کسی

کجا

چرا

چطور

کدام

کی

سپس

اگر

واقعا

ولی

زیرا

نه

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

این

آن

همه

یا

و

اینجا

آنجا

چپ

راست

الان

بعد از ظهر

قبل از ظهر

شب

صبح

عصر

ظهر

نیمه شب

ساعت

دقیقه

ثانیه

روز

tất cả

đó

này

đây

và

hoặc

phải

trái

đó

buổi sáng

buổi chiều

bây giờ

buổi tối

buổi sáng

ban đêm

giờ

nửa đêm

buổi trưa

ngày

giây

phút

هفته

ماه

سال

دیروز

امروز

فردا

دوشنبه

سه‌شنبه

چهارشنبه

پنج‌شنبه

جمعه

شنبه

یکشنبه

زن

مرد

عشق

دوست پسر

دوست دختر

دوست

بوسه

رابطه جنسی

năm

tháng

tuần

ngày mai

hôm nay

hôm qua

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

đàn ông

đàn bà

chủ nhật

bạn gái

bạn trai

tình yêu

tình dục

hôn

bạn

بچه

دختر

پسر

مامان

بابا

مادر

پدر

والدین

پسر

دختر

خواهر کوچک

برادر کوچک

خواهر بزرگ

برادر بزرگ

شوهر

همسر

هر

همیشه

در حقیقت

دوباره

قبلا

con trai

con gái

trẻ em

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

chồng

anh trai

chị gái

luôn luôn

mỗi / mọi

vợ

đã

lần nữa

thực ra

کمتر

اکثر

بیشتر

هیچ

خیلی

بیرون

درون

دور

نزدیک

پایین

بالا

کنار

جلو

پشت

همه

با هم

دیگر

بهار

تابستان

پاییز

زمستان

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

ở ngoài

rất

không có

gần

xa

ở trong

bên cạnh

bên trên

bên dưới

mọi người

phía sau

phía trước

mùa xuân

khác

cùng nhau

mùa đông

mùa thu

mùa hè

ژانویه

فوریه

مارس

آوریل

مه

ژوئن

ژوئیه

اوت

سپتامبر

اکتبر

نوامبر

دسامبر

شمال

شرق

جنوب

غرب

اغلب

بالفاصله

ناگهان

اگرچه

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

nam

đông

bắc

ngay lập tức

thường xuyên

tây

mặc dù

đột ngột

Số



صفر

یک

دو

سه

چهار

پنج

شش

هفت

هشت

نه

ده

یازده

دوازده

سیزده

چهارده

پانزده

شانزده

هفده

هجده

نوزده

بیست

|    |    |    |
|----|----|----|
| 2  | 1  | 0  |
| 5  | 4  | 3  |
| 8  | 7  | 6  |
| 11 | 10 | 9  |
| 14 | 13 | 12 |
| 17 | 16 | 15 |
| 20 | 19 | 18 |

بیست و یک

بیست و دو

بیست و شش

سی

سی و یک

سی و سه

سی و هفت

چهل

چهل و یک

چهل و چهار

چهل و هشت

پنجاه

پنجاه و یک

پنجاه و پنج

پنجاه و نه

شصت

شصت و یک

شصت و دو

شصت و شش

هفتاد

هفتاد و یک

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

هفتاد و سه

هفتاد و هفت

هشتاد

هشتاد و یک

هشتاد و چهار

هشتاد و هشت

نود

نود و یک

نود و پنج

نود و نه

صد

صد و یک

صد و پنج

صد و ده

صد و پنجاه و یک

دویست

دویست و دو

دویست و شش

دویست و بیست

دویست و شصت و دو

سیصد

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

سیصد و سه

سیصد و هفت

سیصد و سی

سیصد و هفتاد و سه

چهارصد

چهارصد و چهار

چهارصد و هشت

چهارصد و چهل

چهارصد و هشتاد و چهار

پانصد

پانصد و پنج

پانصد و نه

پانصد و پنجاه

پانصد و نود و پنج

ششصد

ششصد و یک

ششصد و شش

ششصد و شانزده

ششصد و شصت

هفتصد

هفتصد و دو

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

هفتصد و هفت

هفتصد و بیست و هفت

هفتصد و هفتاد

هشتصد

هشتصد و سه

هشتصد و هشت

هشتصد و سی و هشت

هشتصد و هشتاد

نهصد

نهصد و چهار

نهصد و نه

نهصد و چهل و نه

نهصد و نود

هزار

هزار و یک

هزار و دوازده

هزار و دویست و سی و  
چهار

دو هزار

دو هزار و دو

دو هزار و بیست و سه

دو هزار و سیصد و چهل و  
پنج

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

سه هزار

سه هزار و سه

چهار هزار

چهار هزار و چهل و پنج

پنج هزار

پنج هزار و ششصد و هفتاد  
و هشت

شش هزار

هفت هزار

هفت هزار و هشتصد و نود

هشت هزار

هشت هزار و نهصد و یک

نه هزار

نه هزار و نود

ده هزار

ده هزار و یک

بیست هزار و بیست

سی هزار و سیصد

چهل و چهار هزار

صد هزار

پانصد هزار

یک میلیون

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

شش میلیون

ده میلیون

هفتاد میلیون

صد میلیون

هشتصد میلیون

یک میلیارد

نه میلیارد

ده میلیارد

بیست میلیارد

صد میلیارد

سیصد میلیارد

یک تریلیون

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

## Động từ



دانستن

فکر کردن

آمدن

گذاشتن

گرفتن

پیدا کردن

گوش دادن

کار کردن

حرف زدن

دادن

دوست داشتن

کمک کردن

دوست داشتن

زنگ زدن

صبر کردن

ایستادن

نشستن

بستن

باز کردن

باختن

بردن

đến

nghĩ

biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

chờ đợi

gọi

yêu

đóng

ngồi

đứng

thắng

thua

mở

مردن

زندگی کردن

روشن کردن

خاموش کردن

کشتن

مجروح کردن

لمس کردن

نگاه کردن

نوشیدن

خوردن

راه رفتن

ملاقات کردن

شرط بستن

بوسیدن

دنبال کردن

ازدواج کردن

جواب دادن

پرسیدن

کشیدن

هل دادن

فشار دادن

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cười

ấn

đẩy

kéo

زدن

گرفتن

دعوا کردن

پرتاب کردن

دویدن

خواندن

نوشتن

تعمیر کردن

شمردن

بریدن

فروختن

خریدن

پرداخت کردن

درس خواندن

خواب دیدن

خوابیدن

بازی کردن

جشن گرفتن

لذت بردن

تمیز کردن

شلیک کردن

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

bắn

dọn dẹp

thưởng thức

دفاع کردن

حمله کردن

دزدیدن

سوزاندن

نجات دادن

پرواز کردن

تف کردن

لگد زدن

گاز گرفتن

نفس کشیدن

بو کردن

گریه کردن

آواز خواندن

لبخند زدن

خندیدن

بزرگ شدن

کوچک شدن

بحث کردن

تقسیم کردن

غذا دادن

پنهان کردن

trộm

tấn công

bảo vệ

bay

cứu

đốt

cẩn

đá

khắc nhớ

khóc

ngủi

thở

cười

cười mỉm

hát

tranh luận

co lại

lớn lên

trốn

cho ăn

chia sẻ

هشدار دادن

شنا کردن

پريدن

بلند کردن

کندن

رساندن

جستجو کردن

تمرین کردن

سفر کردن

نقاشی کردن

باز کردن

قفل کردن

شستن

دعا کردن

آشپزی کردن

بالا آوردن

فریاد زدن

نقل قول کردن

چاپ کردن

محاسبه کردن

به دست آوردن

nhảy

bơi

cảnh báo

giao hàng

đào

nâng

đi du lịch

luyện tập

tìm kiếm

khóa

mở

vẽ

nấu ăn

cầu nguyện

rửa

trích dẫn

la hét

nôn

kiếm tiền

tính toán

in

Tính từ



جدید

قدیمی

کم

زیاد

غلط

درست

بد

خوب

خوشحال

کوتاه

دراز

کوچک

بزرگ

زیبا

جوان

پیر

سفید

سیاه

قرمز

آبی

سبز

ít

cũ

mới

chính xác

sai

nhiều

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

trẻ

xinh đẹp

lớn

màu đen

màu trắng

già

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

màu đỏ

زرد

آهسته

سريع

بامزه

غير منصفانه

منصفانه

سخت

آسان

ثروتمند

فقير

قوى

ضعيف

امن

خسته

مغرور

سير

مريض

سالم

عصبانى

پايين

بالا

nhanh

chậm

màu vàng

công bằng

không công bằng

vui vẻ

giàu

dễ

khó

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

شیرین

ترش

نرم

سخت

بانمک

احمق

دیوانه

مشغول

بلند

کوتاه

نگران

متعجب

خوش رفتار

شرور

باهوش

سرد

داغ

نارنجی

خاکستری

قهوه‌ای

صورتی

mềm

chua

ngọt

ngu ngốc

đáng yêu

cứng

cao

bận rộn

điên khùng

ngạc nhiên

lo lắng

thấp

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

màu cam

nóng

lạnh

màu hồng

màu nâu

màu xám

کسل‌کننده

سنگین

سبک

تنها

گرسنه

تشنه

ناراحت

شیب دار

صاف

باریک

پهن

عمیق

کم عمق

عظیم

کثیف

تمیز

پر

خالی

گران

ارزان

سکسی

nhẹ

nặng

nhàm chán

khát nước

đói bụng

cô đơn

bằng phẳng

dốc

buồn

sâu

rộng

hẹp

bẩn

lớn

nông

trống rỗng

đầy

sạch sẽ

quyến rũ

rẻ

đắt

تنبل

شجاع

بخشنده

خیس

خشک

پرسر و صدا

آرام

آفتابی

بارانی

مه‌آلود

ابری

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ồn ào

khô

ướt

nhiều mưa

nắng

yên tĩnh

nhiều mây

sương mù

Thể thao



ژیمناستیک

تنیس

دو

دوچرخه سواری

گلف

فوتبال

بسکتبال

شنا

غواصی

پیاده گردی

ماراتن

ورزش سه گانه

تنیس روی میز

وزنه برداری

بوکس

بدمینتون

اسکیت نمایی

اسنو بورد سواری

اسکی

اسکی صحرانوردی

هاکی روی یخ

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

bóng đá

đánh golf

đạp xe

lặn

bơi lội

bóng rổ

ba môn phối hợp

chạy marathon

đi bộ đường dài

quyền anh

cử tạ

bóng bàn

trượt ván tuyết

trượt băng nghệ thuật

cầu lông

khúc côn cầu trên băng

trượt tuyết băng đồng

trượt tuyết

والیبال

هندبال

والیبال ساحلی

راگبی

کرکت

بیسبال

فوتبال آمریکایی

واترپلو

شیرجه

موج سواری

قایقرانی بادبانی

پاروژنی

یوگا

رقص

چتر بازی

شطرنج

پوکر

بولینگ

باله

bóng chuyền bãi biển

bóng ném

bóng chuyền

bóng chày

bóng gậy

bóng rugby

nhảy cầu

bóng nước

bóng bầu dục Mỹ

chèo thuyền

đua thuyền buồm

lướt sóng

nhảy dù

khiêu vũ

yoga

bowling

đánh bài poker

cờ vua

múa ba lê

Động vật



خوک

گاؤ

اسب

سگ

گوسفند

میمون

گرہ

خرس

مرغ

اردک

پروانہ

زنبور

ماہی

عنکبوت

مار

ببر

موش

خرگوش

شیر

الاغ

فیل

con ngựa

con bò

con lợn

con khỉ

con cừu

con chó

con gà

con gấu

con mèo

con ong

con bướm

con vịt

con rắn

con nhện

con cá

con thỏ

con chuột

con hổ

con voi

con lừa

con sư tử

کبوتر

حشره

پشه

مگس

مورچه

نهنگ

کوسه

دلفین

حلزون

قورباغه

پاندا

خرس قطبی

گرگ

کوالا

کانگورو

زرافه

روباه

اسب آبی

خفاش

کلاغ سیاه

قو

con muỗi

con bọ

con chim bồ câu

con cá voi

con kiến

con ruồi

con ốc sên

con cá heo

con cá mập

con gấu Bắc cực

con gấu trúc

con ếch

con chuột túi

con gấu túi

con chó sói

con hà mã

con cáo

con hươu cao cổ

con thiên nga

con quạ

con dơi

مرغ دریایی

جغد

پنگوئن

طوطی

کرم پبله ساز

سنجاقک

ماهی مرکب

هشت پا

اسب دریایی

خوک ابی

عروس دریایی

خرچنگ

دایناسور

لاک پشت زمینی

تمساح

con chim cánh cụt

con cú

con chim hải âu

con chuồn chuồn

con sâu bướm

con vẹt

con cá ngựa

con bạch tuộc

con mực ống

con cua

con sứa

con hải cẩu

con cá sấu

con rùa cạn

con khủng long

Quốc gia



اروپا

آسیا

آمریکا

آفریقا

بریتانیا

اسپانیا

سوئیس

ایتالیا

فرانسہ

آلمان

تایلند

سنگاپور

روسیہ

ژاپن

اسرائیل

ہند

چین

ایالات متحدہ آمریکا

مکزیک

کانادا

شیلی

Châu Mỹ

Châu Á

Châu Âu

Tây Ban Nha

Vương quốc Anh

Châu Phi

Pháp

Ý

Thụy sĩ

Singapore

Thái Lan

Đức

Israel

Nhật Bản

Nga

Hoa Kỳ

Trung Quốc

Ấn Độ

Chile

Canada

Mexico

برزیل

آرژانتین

آفریقای جنوبی

نیجریه

مراکش

لیبی

کنیا

الجزایر

مصر

نیوزیلند

استرالیا

Nam Phi

Argentina

Brazil

Libya

Ma Rốc

Nigeria

Ai Cập

Algeria

Kenya

Úc

New Zealand

Cơ thể



سر

بینی

مو

دهان

گوش

چشم

دست

پا

قلب

مغز

گردن

باسن

شانه

زانو

پا

بازو

شکم

پستان

پشت

دندان

زبان

tóc

mũi

đầu

mắt

tai

miệng

tim

bàn chân

bàn tay

mông

cổ

não

chân

đầu gối

vai

ngực

bụng

tay

lưỡi

răng

lưng

لب

انگشت

انگشت پا

معدۀ

شش

کبد

عصب

کلیه

روده

پیشانی

چانه

گونه

ریش

شست

انگشت کوچک

انگشت حلقه

انگشت میانی

انگشت اشاره

ناخن

پاشنه پا

ستون فقرات

ngón chân

ngón tay

môi

gan

phổi

dạ dày

ruột

thận

dây thần kinh

má

cằm

trán

ngón tay út

ngón cái

râu

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

xương sống

gót chân

móng tay

ماهیچه

استخوان

اسکلت

دنده

مهره

مثانه

رگ

سرخرگ

واژن

اسپرم

آلت تناسلی مرد

بیضه

bộ xương

xương

cơ bắp

bàng quang

đốt sống

xương sườn

âm đạo

động mạch

tĩnh mạch

tinh hoàn

dương vật

tinh trùng

Ngôi nhà



در

آشپزخانه

حمام

اتاق نشیمن

اتاق خواب

باغ

گاراژ

دیوار

زیرزمین

توالت

پله ها

سقف

پنجره

چاقو

فنجان

لیوان

بشقاب

فنجان

سطل آشغال

کاسه

میز تحریر

phòng tắm

nhà bếp

cửa

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

bàn

tô

thùng rác

تخت

آینه

دوش

مبل

عکس

ساعت

میز

صندلی

همسایه

آسانسور

بالکن

زیرشیروانی

دودکش

قاشق چوبی

چاپستیک

کارد و چنگال

قاشق

چنگال

ملاقه

قابلمه

ماهی تابه

vòi hoa sen

gương

giường

đồng hồ

ảnh

ghế sofa

hàng xóm

ghế

bàn

gác xếp

ban công

thang máy

đũa

muỗng gỗ

ống khói

nĩa

muỗng

bộ dao nĩa

chảo

nồi

cái vá

لامپ

قفسه کتاب

پرده

تشک

بالش

پتو

تاقچه

کشو

کمد لباس

سطل

چارو

ترازو

سبد رخت چرک

وان حمام

حوله حمام

صابون

دستمال توالت

حوله

روشویی

نردبان

صندوق پستی

rèm

giá sách

bóng đèn

chăn

gối

nệm

tủ quần áo

ngăn kéo

kệ

cái cân

chổi

xô

khăn tắm

bồn tắm

giỏ đựng đồ giặt

khăn tắm

giấy vệ sinh

xà phòng

hộp thư

cái thang

bồn rửa mặt

فنس



hàng rào

Thức ăn



شیر

پنیر

تخم مرغ

استخوان

گوشت

ماهی

شکر

نان

روغن

کیک

آب نبات

شکلات

چای

قهوه

آب

سالاد

شراب

آبجو

صبحانه

دسر

سوپ

sữa

phô mai

trứng

xương

thịt

cá

đường

bánh mì

dầu

bánh bông lan

kẹo

sô cô la

trà

cà phê

nước

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

ناهار

شام

پیتزا

بستنی

کره

ماست

ماهی تن

سالمون

ژامبون

بیکن

سوسیس

گوشت بوقلمون

گوشت مرغ

گوشت گاو

گوشت خوک

گوشت گوسفند

کدو حلوائی

قارچ

قارچ دنبان

سیر

تره فرنگی

pizza

bữa tối

bữa trưa

sữa chua

bơ

kem

giăm bông

cá hồi

cá ngừ

thịt gà tây

xúc xích

thịt ba rọi

thịt heo

thịt bò

thịt gà

nấm

bí ngô

thịt cừu

tỏi tây

tỏi

nấm cục

زنجبیل

بادمجان

سیب زمینی شیرین

هویج

خیار

فلفل تند

دلمه فلفل

پیاز

سیب زمینی

گل کلم

کلم

کلم بروکلی

کاهو

اسفناج

بامبو

ذرت

کرفس

نخود فرنگی

لوبیا

گلای

سیب

khoai lang

cà tím

gừng

ớt

dưa chuột

cà rốt

khoai tây

củ hành

ớt chuông

bông cải xanh

bắp cải

bông cải trắng

tre

rau chân vịt

xà lách

đậu Hà Lan

cần tây

ngô

quả táo

quả lê

hạt đậu

زیتون

انجیر

خرما

نارگیل

بادام

فندق

بادام زمینی

موز

انبه

کیوی

آووکادو

آناناس

هندوانه

انگور

طالبی

رازبری

بلوبری

توت فرنگی

گیلاس

آلو

زردآلو

quả chà là

quả sung

quả ô liu

hạt phỉ

quả hạnh nhân

quả dừa

quả xoài

quả chuối

đậu phộng

quả dưa

quả bơ

quả kiwi

dưa gang

quả nho

dưa hấu

quả dâu tây

quả việt quất

quả mâm xôi

quả mơ

quả mận

quả anh đào

هلو

لیمو ترش زرد

گریپ فروت

پرتقال

گوجه فرنگی

نعناع

علف لیمو

دارچین

وانیل

نمک

فلفل

کاری

تنباکو

توفو

سرکه

نودل

شیر سویا

آرد

برنج

جو دوسر

گندم

quả bưởi

quả chanh

quả đào

bạc hà

cà chua

quả cam

vani

quế

sả

cà ri

tiêu

muối

giấm

đậu hũ

thuốc lá

bột mì

sữa đậu nành

mì sợi

lúa mì

yến mạch

gạo

سویا

آجیل

عسل

مربا

آدامس

پنکیک

کوکی

پودینگ

مافین

دونات

نوشیدنی انرژی زا

آب پرتقال

آب سیب

میلک شیک

کوکاکولا

شکلات داغ

کوکتل

عرق نیشکر

ویسکی

ودکا

منو

mật ong

hạt

đậu nành

bánh kẹp

kẹo cao su

mút

bánh muffin

bánh pudding

bánh quy

nước cam

nước tăng lực

bánh rán vòng

coca cola

sữa lắc

nước táo

rượu rum

rượu cocktail

sô cô la nóng

thực đơn

rượu vodka

rượu whisky

غذای دریایی

اسپاگتی

سوشی

ذرت بو داده

چیپس

بال مرغ

سیب زمینی سرخ کرده

خردل

سس مایونز

سس گوجه فرنگی

ساندویچ

هات داگ

برگر

sushi

mì Ý

hải sản

cánh gà

khoai tây lát mỏng

bắp rang bơ

sốt mayonnaise

mù tạt

khoai tây chiên

bánh mì kẹp xúc xích

bánh mì kẹp

nước sốt cà chua

bánh burger

Trường học



کتاب

کتابخانه

مشق شب

امتحان

درس

علوم

تاریخ

هنر

خودکار

مداد

اول

دوم

سوم

چهارم

تحقیق

مدرک

زمین ورزشی

فرهنگ لغت

نیمسال تحصیلی

دفترچه یادداشت

هندسه

bài tập về nhà

thư viện

sách

khoa học

bài học

bài thi

cây bút

nghệ thuật

lịch sử

thứ hai

thứ nhất

bút chì

nghiên cứu

thứ tư

thứ ba

từ điển

sân thể thao

bằng cấp

hình học

sổ tay

học kì

علوم سیاسی

فلسفه

اقتصاد

تربیت بدنی

زیست‌شناسی

ریاضیات

جغرافیا

ادبیات

شیمی

فیزیک

خط کش

پاک کن

قیچی

چسب نواری

چسب

خودکار نوک‌توپی

گیره کاغذ

سه درصد

صد درصد

صفر درصد

متر مکعب

kinh tế học

triết học

chính trị học

toán học

sinh học

giáo dục thể chất

hóa học

văn học

địa lý

cục tẩy

cái thước

vật lý

keo dán

băng dính

cái kéo

3%

kẹp giấy

bút bi

mét khối

0%

100%

متر مربع

مايل

متر

میلی متر

سانتی متر

دسی متر

جمع

تفریق

ضرب

تقسیم

مساحت

حجم

مستطیل

مربع

مثلث

دایره

لیتر

میلی لیتر

تن

کیلوگرم

گرم

mét

dặm

mét vuông

đề-xi-mét

xen-ti-mét

mi-li-mét

phép nhân

phép trừ

phép cộng

thể tích

diện tích

phép chia

tam giác

hình vuông

hình chữ nhật

mililít

lít

hình tròn

gram

kilôgam

tấn

آهنربا

میکروسکوپ

قیف

آزمایشگاه

سخنرانی

cái phễu

kính hiển vi

nam châm

bài giảng

phòng thí nghiệm

Thiên nhiên



خاکستر

آتش

الماس

ماه

خورشید

ستاره

سیاره

ساحل

دریاچه

جنگل

بیابان

تپه

سنگ

رودخانه

دره

کوه

جزیره

اقیانوس

دریا

یخ

برف

kim cương

lửa

tro

ngôi sao

mặt trời

mặt trăng

hồ

bờ biển

hành tinh

đôi núi

sa mạc

rừng

thung lũng

con sông

đá

đại dương

đảo

núi

tuyết

băng

biển

طوفان

باران

باد

درخت

چمن

رز

گل

فلز

خاک

گدازه

زغال سنگ

ماسه

رس

موشک

ماهواره

کلهکشان

سیارک

قاره

استوا

قطب جنوب

قطب شمال

gió

mưa

bão táp

hoa hồng

cỏ

cây

đất

kim loại

hoa

cát

than

dung nham

vệ tinh

tên lửa

đất sét

lục địa

tiểu hành tinh

thiên hà

Bắc cực

Nam cực

đường Xích đạo

جوى آب

جنگل بارانى

غار

آبشار

ساحل

يخچال طبيعى

زلزله

دهانه

آتشفشان

اٲمسفر

سيل

مه

رنگين كمان

رعد

صاعقه

رعد و برق

دما

طوفان

توفند

اٲر

شاخه

hang

rừng nhiệt đới

sưởi

sông băng

bờ biển

thác nước

núi lửa

miệng núi lửa

động đất

sương mù

lũ lụt

khí quyển

tia chớp

tiếng sấm

cầu vồng

bão nhiệt đới

nhiệt độ

cơn dông

cành cây

mây

bão

برگ

ریشه

تنه

دانه

پلاستیک

دی اکسید کربن

اتم

آهن

اکسیژن

طلا

نقره

thân cây

rễ cây

lá cây

cacbon đioxit

nhựa

hạt giống

ôxy

sắt

nguyên tử

bạc

vàng

## Giao thông



ماشین

اتوبوس

قطار

ایستگاه قطار

ایستگاه اتوبوس

هواپیما

کشتی

کامیون

دوچرخه

موتورسیکلت

تاکسی

چراغ راهنمایی

پارکینگ

جاده

باتری

موتور

کیسه هوا

فرمان

کمربند ایمنی

لاستیک

صندوق عقب

xe lửa

xe buýt

xe hơi

máy bay

trạm dừng xe buýt

ga xe lửa

xe đạp

xe tải

tàu

đèn giao thông

xe taxi

xe mô tô

ắc quy

đường

bãi đậu xe

vô-lăng

túi khí

động cơ

cốp sau

lốp xe

dây an toàn

دستگاه فروش بلیط

دفتر فروش بلیط

مترو

قطار سریع السیر

لوکوموتیو

تراموای

اتوبوس مدرسه

مینی بوس

فرودگاه

شرکت هواپیمایی

بالگرد

فرست کلاس

کلاس اکونومی

کلاس تجاری

جلیقه نجات

کانتینر

زیردریایی

کشتی تفریحی

کشتی کانتینری

کشتی خصوصی

کشتی فرابر

tàu điện ngầm

phòng bán vé

máy bán vé

xe điện

đầu máy

tàu cao tốc

sân bay

xe buýt nhỏ

xe buýt trường học

hạng nhất

máy bay trực thăng

hãng hàng không

áo phao

hạng thương gia

hạng phổ thông

tàu du lịch

tàu ngầm

công ten nơ

phà

du thuyền

tàu chở hàng

بندرگاه

قایق نجات

رادار

چراغ خیابان

پیاده رو

پمپ بنزین

سایت ساخت و ساز

محل عبور عابر پیاده

راهبندان

بزرگراه

تانک

بیل مکانیکی

تراکتور

تریلر

موتورسیکلت اسکوتر

تله کابین

ra đa

xuồng cứu sinh

hải cảng

trạm xăng

vĩa hè

đèn đường

tắc đường

vạch qua đường

công trường

máy xúc

xe tăng

đường cao tốc

xe tay ga

rơ-moóc

máy kéo

xe cáp treo

Thành phố



بیمارستان

مدرسه

خانه

قبض

بازار

سوپر مارکت

آپارتمان

دانشگاه

مزرعه

کلیسا

رستوران

بار

باشگاه

پارک

سرویس بهداشتی

نقشه

آمبولانس

پلیس

آتش نشانان

کشور

حومه شهر

nhà ở

trường học

bệnh viện

siêu thị

chợ

hóa đơn

nông trại

trường đại học

căn hộ

quán bar

nhà hàng

nhà thờ

nhà vệ sinh

công viên

phòng thể dục

cảnh sát

xe cứu thương

bản đồ

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

روستا

گارانتي

مرکز خرید

داروخانه

آسمان خراش

قلعه

سفارت

كنیسه

معبد

كارخانه

مسجد

ساختمان شهرداری

اداره پست

آبنما

كلوپ شبانه

نیمکت

زمین گلف

استادیوم فوتبال

استخر

زمین تنیس

اطلاعات گردشگری

trung tâm mua sắm

bảo hành

ngôi làng

lâu đài

tòa nhà chọc trời

tiệm thuốc

ngôi đền

giáo đường Do Thái

đại sứ quán

tòa thị chính

nhà thờ Hồi giáo

nhà máy

câu lạc bộ đêm

đài phun nước

bưu điện

sân bóng đá

sân golf

băng ghế

thông tin du lịch

sân quần vợt

hồ bơi

کازینو

گالری هنری

موزه

پارک ملی

سوغات

آکواریوم

سرسره آبی

ترن هوایی

پارک آبی

باغ وحش

زمین بازی

خروج اضطراری

اعلام حریق

کپسول آتش نشانی

ایستگاه پلیس

ایالت

منطقه

پایتخت

bảo tàng

phòng triển lãm nghệ thuật

sòng bạc

thủy cung

quà lưu niệm

công viên quốc gia

công viên nước

tàu lượn siêu tốc

trượt nước

cửa thoát hiểm

sân chơi

vườn bách thú

đồn cảnh sát

bình cứu hỏa

chuông báo cháy

thủ đô

khu vực

tiểu bang

Bệnh viện



حادثه

بیمار

عمل جراحی

قرص

تب

سرفه

اتاق اورژانس

واحد مراقبت های ویژه

اتاق انتظار

آسپیرین

قرص خواب آور

تاریخ انقضا

دوز

شربت سرفه

عوارض جانبی

انسولین

پودر

کپسول

ویتامین

مسکن

آنتی بیوتیک

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

ho

sốt

viên thuốc

phòng chờ

khoa hồi sức tích cực

phòng cấp cứu

ngày hết hạn

thuốc ngủ

thuốc aspirin

tác dụng phụ

si-rô ho

liều lượng

viên nhộng

bột

insulin

kháng sinh

thuốc giảm đau

vitamin

باکتری

ویروس

سکته قلبی

اسهال

دیابت

سکته مغزی

آسم

سرطان

آنفلوانزا

دندان درد

آفتاب سوختگی

گلو درد

معهه درد

عفونت

آلرژی

گرفتگی عضلات

سردرد

سرنگ

چوب زیر بغل

تصویربرداری اشعه ایکس

دستگاه سونوگرافی

đau tim

vi rút

vi khuẩn

đột quỵ

tiểu đường

tiêu chảy

cúm

ung thư

hen suyễn

viêm họng

cháy nắng

đau răng

dị ứng

nhiễm trùng

đau bụng

ống tiêm

đau đầu

chuột rút

máy siêu âm

chụp X quang

nặng

چسب زخم

ویلچر

گچ گیری

نبض

جراحت

اضطرابی

ضربه مغزی

سوختگی

شکستگی

قرص ضدبارداری

تست حاملگی

bó bột

xe lăn

bó bột

cấp cứu

chấn thương

mạch

gãy xương

vết bỏng

chấn động

thử thai

thuốc tránh thai

## Nghề nghiệp



دکتر

پرستار

افسر پلیس

رئیس جمهور

ناخدا

کاراگاه

خلبان

استاد

معلم

وکیل

منشی

دستیار

قاضی

مدیر

آشپز

راننده تاکسی

راننده اتوبوس

مدل

هنرمند

نخست وزیر

داروساز

cảnh sát

y tá

bác sĩ

thám tử

thuyền trưởng

tổng thống

giáo viên

giáo sư

phi công

trợ lý

thư ký

luật sư

đầu bếp

quản lý

thẩm phán

người mẫu

tài xế xe buýt

tài xế taxi

dược sĩ

thủ tướng

nghệ sĩ

آتش نشان

دندانپزشک

کارآفرین

سیاستمدار

برنامه نویس

مهماندار هواپیما

دانشمند

مربی مهدکودک

معمار

حسابدار

مشاور

دادستان

مدیر کل

محافظ شخصی

صاحب خانه

پیشخدمت

گارد امنیت

سرباز

ماهگیر

نظافتچی

لوله کش

doanh nhân

nha sĩ

lính cứu hỏa

tiếp viên hàng không

lập trình viên

chính trị gia

kiến trúc sư

giáo viên mầm non

nhà khoa học

công tố viên

tư vấn viên

kế toán viên

chủ nhà

vệ sĩ

tổng quản lý

bộ đội

nhân viên bảo vệ

bồi bàn

thợ sửa ống nước

nhân viên vệ sinh

ngư dân

برقکار

کشاورز

مسئول پذیرش

پستیچی

صندوقدار

آرایشگر

نویسنده

روزنامه نگار

عکاس

نجات غریق

خواننده

نوازنده

بازیگر

خبرنگار

مربی

داور

lễ tân

nông dân

thợ điện

thợ làm tóc

thu ngân

người đưa thư

nhiếp ảnh gia

nhà báo

tác giả

nhạc sĩ

ca sĩ

nhân viên cứu hộ

huấn luyện viên

phóng viên

diễn viên

trọng tài

Kinh doanh



پول

دفتر

استرس

بیمه

پرسنل

بخش

حقوق

آدرس

نامه

شماره تلفن

آدرس اینترنتی

آدرس ایمیل

وبسایت

ایمیل

امضا

ضرر

سود

مشتری

میزان

کارت اعتباری

رمز عبور

áp lực

văn phòng

tiền

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

địa chỉ email

url

số điện thoại

chữ ký

thư điện tử

trang mạng

khách hàng

lợi nhuận

thua lỗ

mật khẩu

thẻ tín dụng

số tiền

خودپرداز

مالیات

اتاق جلسه

کارت ویزیت

فناوری اطلاعات

منابع انسانی

بخش حقوقی

حسابداری

بازاریابی

فروش

همکار

کارفرما

کارمند

یادداشت

ارائه

پوشه

مهر لاستیکی

پروژکتور

بسته

تمبر

پاکت

phòng họp

thuế

máy rút tiền

nhân sự

công nghệ thông tin

danh thiếp

tiếp thị

kế toán

bộ phận pháp lý

người sử dụng lao động

đồng nghiệp

bán hàng

thuyết trình

chú thích

nhân viên

máy chiếu

con dấu cao su

bìa cứng

phong bì

con tem

bưu kiện

مرورگر

سرمایه گذاری

بورس اوراق بهادار

اسکناس

سکه

بهره

وام

شماره حساب

حساب بانکی

sàn giao dịch chứng khoán

đầu tư

trình duyệt

tiền lãi

tiền xu

tiền giấy

tài khoản ngân hàng

số tài khoản

khoản vay

Thiết bị



تلفن

تلویزیون

دوربین

رادیو

پنکه

کولر

قهوه ساز

توستر

جارو برقی

سشوار

کتری

ماشین ظرفشویی

اجاق گاز

فر

ماکروفر

یخچال

ماشین لباسشویی

کنترل

هندزفری

ماوس

کیبورد

máy ảnh

bộ tivi

điện thoại

máy điều hòa

quạt

đài radio

máy hút bụi

máy nướng bánh mì

máy pha cà phê

máy rửa chén

ấm đun nước

máy sấy tóc

lò vi sóng

lò nướng

bếp điện

điều khiển từ xa

máy giặt

tủ lạnh

bàn phím

chuột

tai nghe

هارد دیسک

فلش مموری

اسکنر

پرینتر

مانیتور

لپتاپ

ربات

بلندگو

máy quét

thanh USB

ổ cứng

máy tính xách tay

màn hình

máy in

loa

rô bốt